TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **64/**2020/QĐST-HNGĐ	*Yên Thành, ngày 23 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **112**/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị N - Sinh năm 1995.

Địa chỉ cư trú: Xóm 5, xã C, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: anh Trần Đình V - Sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: xóm 5, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào các Điều 54,55,81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị N và anh Trần Đình V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Đình L, sinh ngày 03/12/2013; Trần Đình N, sinh ngày 17/8/2015 anh Trần Đình V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao con chung là cháu Trần Thị Ánh S, sinh ngày 26.01.2020 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị N, anh V không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: chị Trần Thị N và anh Trần Đình V thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí ly hôn sơ thẩm của chị N được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành (Biên lai thu tiền số: 0000354, ngày 10/3/2020). Hoàn trả lại cho chị N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Văn Giang

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục THADS
- VKSND H. Yên Thành
- UBND xã C (ĐKKH)
- Lưu hồ sơ vụ án